

BÁO CÁO

sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 56-NQ/HU ngày 05/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Tân Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 56-NQ/HU ngày 05/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Tân Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025 (viết tắt là Nghị quyết 56), Huyện ủy báo cáo kết quả 02 năm triển khai thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2022, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết 56. Nghị quyết đã đưa ra quan điểm, đề ra mục tiêu, lộ trình cụ thể về xây dựng huyện Tân Yên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2025. Đồng thời, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra, phân công nhiệm vụ cho cá đơn vị liên quan để triển khai thực hiện. Chỉ đạo UBND huyện xây dựng Kế hoạch xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025, đồng thời, hằng năm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện.

Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân nâng cao nhận thức, phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NTM. Tổ chức các hoạt động nhằm thu hút đoàn viên, hội viên tham gia, tạo phong trào thi đua sôi nổi để tập hợp sức mạnh tổng hợp thực hiện mục tiêu Nghị quyết. Đảng ủy các xã, thị trấn ban hành Nghị quyết chuyên đề để tổ chức thực hiện; phổ biến đến các chi bộ, tổ chức hội ở cơ sở, đảng viên, hội viên.

Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức quán triệt và triển khai Nghị quyết 56 đến toàn thể các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để triển khai thực hiện; quán triệt và giao trách nhiệm cho các đồng chí thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện; đồng chí bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy. Ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao (có biểu chi tiết kèm theo).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu

Đến nay có 20/20 xã cơ bản duy trì, đạt chuẩn bộ tiêu chí xã NTM theo yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; tuy nhiên, hầu hết các xã chưa đạt chỉ tiêu về tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung (có biểu chi tiết kèm theo - biểu 2)

Đến nay đã có 05 xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025¹ (đạt 45,45% chỉ tiêu); năm 2023 tiếp tục xây dựng 04 xã NTM nâng cao², 01 xã NTM kiểu mẫu (Việt Lập), dự kiến đến hết năm 2024 sẽ hoàn thành 11 xã NTM nâng cao³ và 03 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu⁴, 01 xã thông minh (thương mại điện tử)⁵, hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

Đã hoàn thành 37 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu đạt 86,04% chỉ tiêu; năm 2023 tiếp tục xây dựng 22 thôn NTM kiểu mẫu và 01 thôn thông minh (thôn Đồng Sen, xã Việt Lập), cụ thể: Đến hết năm 2023 toàn huyện có 59 thôn NTM kiểu mẫu và 01 thôn thông minh và ước đến hết năm 2025 hoàn thành trên 70 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu (đạt trên 186% chỉ tiêu) và 03 mô hình thôn thông minh (đạt 100% chỉ tiêu), hoàn thành chỉ tiêu ở mức cao.

Giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới (có biểu chi tiết kèm theo - biểu 03). Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện nâng cao chất lượng tiêu chí huyện NTM, kết quả sau 02 năm thực hiện huyện đạt 3/9 tiêu chí⁶, 26/38 chỉ tiêu huyện nông thôn mới nâng cao, tăng 07 chỉ tiêu so với đầu nhiệm kỳ (có biểu chi tiết kèm theo - biểu 04).

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM

Tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

Thành lập Tổ công tác chỉ đạo thực hiện xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao đối với xã Phúc Sơn, Ngọc Châu, Phúc Hòa, Quế Nham. Chỉ đạo UBND huyện thành lập Ban Chỉ đạo (BCĐ) xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-

¹ Hợp Đức, Phúc Hòa, Phúc Sơn, Quế Nham, Ngọc Châu

² Lam Cốt, Ngọc Vân, Liên Sơn, Ngọc Lý

³ Hợp Đức, Quế Nham, Phúc Sơn, Ngọc Châu, Phúc Hòa, Liên Sơn, Ngọc Lý, Lam Cốt, Ngọc Vân, Ngọc Thiện, Việt Ngọc, Cao Xá.

⁴ Việt Lập, Phúc Hòa, Hợp Đức

⁵ Phúc Hòa

⁶ Gồm các tiêu chí: (3) Thủy lợi và phòng chống thiên tai, (4) Điện và (6) Kinh tế.

2025, phân công nhiệm vụ từng thành viên BCD phụ trách tiêu chí theo lĩnh vực ngành phụ trách; thành lập Tổ thẩm tra, nghiệm thu kết quả xây dựng xã NTM nâng cao, thôn NTM kiểu mẫu. Chỉ đạo UBND các xã thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM xã, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo lĩnh vực phụ trách; thành lập, kiện toàn Ban phát triển thôn. Chỉ đạo tất cả các xã duy trì đạt chuẩn bộ tiêu chí xã NTM, giao cụ thể xã xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu, xã thông minh theo lộ trình, đưa nhiệm vụ xây dựng NTM vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, xã. Đồng thời lấy kết quả thực hiện xây dựng NTM là một trong các nội dung, thước đo để đánh giá, tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và các ban, ngành, đoàn thể liên quan hàng năm.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể sát tình hình thực tế, phù hợp với điều kiện của địa phương, tạo điều kiện hỗ trợ và tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân đóng góp trong phong trào xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện.

Huyện ủy đã ban hành Đề án số 01-ĐA/HU ngày 15/4/2021 về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở, thiết thực, hiệu quả. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở tạo sự vào cuộc tích cực của người dân, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án của Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh triển khai nhằm phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Chỉ đạo hệ thống dân vận trong hệ thống chính trị triển khai sâu rộng phong trào thi đua ‘Dân vận khéo’, xây dựng mô hình điển hình “Dân vận khéo” trong vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Trong đó, tập trung xây dựng mô hình điển hình dân vận khéo trong vận động nhân dân tham gia hiến đất, thực hiện giải phóng mặt bằng để làm đường giao thông nông thôn, công trình phúc lợi; “Dân vận khéo trong thực hiện thu gom, phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình...”

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên. Định kỳ

hàng tuần, thường trực Huyện ủy nghe tiến độ và nắm bắt tình hình triển khai thực hiện đối với một số lĩnh vực: Quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chi tiết một số khu dân cư, môi trường, Hàng quý, thường trực Huyện ủy tổ chức giao ban với các cơ quan chuyên môn huyện, Đảng ủy các xã. UBND huyện, các ngành, thành viên BCD huyện đã tổ chức 33 cuộc làm việc với Đảng ủy, UBND một số xã để nắm bắt tình hình, tiến độ thực hiện, từ đó kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đưa ra giải pháp chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTM của huyện và tại cơ sở phù hợp với chỉ đạo, định hướng của Trung ương, của tỉnh.

2.2. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về xây dựng NTM cho toàn thể cán bộ và nhân dân

Chỉ đạo MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, cấp ủy, chính quyền cấp trên về xây dựng NTM thông qua các hội nghị, hội thi, sinh hoạt chi đoàn, chi hội.

Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức đã được các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở chú trọng, đổi mới về phương pháp, cách thức, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có sức lan tỏa tạo chuyển biến mạnh mẽ. Huyện đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như qua bản tin của huyện, trang thông tin điện tử của huyện với hàng trăm tin bài, bản tin, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục phát trên sóng VTC1, VTV16, trên tạp chí, phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền quảng bá xây dựng NTM của huyện Tân Yên đến cả nước. UBND huyện, BCD NTM huyện đã tổ chức được 12 lớp tập huấn cho trên 600 lượt người là thành viên BCD xây dựng NTM huyện xã, BQL xã, ban phát triển thôn, cán bộ phụ trách NTM của các xã; cấp phát 205 pano, 15.000 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền về xây dựng NTM. Xây dựng các Kế hoạch làm tốt công tác tuyên truyền, vận động⁷, lấy công tác tuyên truyền, vận động là một trong những giải pháp hiệu quả để triển khai thực hiện: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hàng năm; Hưởng ứng phong trào thi đua “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới”; Kế hoạch phát động phong trào “Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Công tác tuyên truyền, vận động có sự sáng tạo, linh hoạt: Lấy người dân tuyên truyền vận động người dân, lấy gương điển hình, mô hình hay, cách làm hiệu quả để tuyên truyền học tập và nhân rộng tại địa phương. Thông qua làm tốt công tác tuyên truyền vận động, đã làm thay đổi nhận thức, tư duy và hành động của cán bộ, người dân về xây dựng

⁷ Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “tân yên chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện về truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

NTM, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước. Người dân đã nhận thức hơn vai trò chủ thể của mình, từ đó chủ động tham gia thực hiện, phát huy được nội lực, trách nhiệm của mình, tạo khí thế sôi nổi, rộng khắp tham gia xây dựng NTM, tham gia quản lý, bảo vệ các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

Công tác thi đua khen thưởng, kịp thời động viên khuyến khích các tập thể, cá nhân, mô hình điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng NTM được thực hiện thường xuyên đã có sức lan tỏa nhân rộng. Tổ chức hội nghị biểu dương điển hình “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới: hộ gia đình hiến đất làm đường, nhà văn hóa thôn, mô hình thôn NTM kiểu mẫu, mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, mô hình thu gom xử lý rác thải,..

2.3. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

Hệ thống giao thông được cải thiện rõ rệt, có tính kết nối cao. Đã cứng hóa thêm 40,9km đường thôn, xóm, đạt tỷ lệ 98,11%; 150,87km đường nội đồng, đạt tỷ lệ 36,62%; 100% các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện kết nối đến các xã, thị trấn; 100% số xã có đường kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, liên vùng, vùng nguyên liệu tập trung đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm. Tỷ lệ mặt đường huyện, đường xã kết nối được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%; hệ thống giao thông trên địa bàn huyện được bảo trì hàng năm, cụ thể: 100% tuyến đường huyện được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp với cấp đường theo quy hoạch được phê duyệt, đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005; đường ô tô - yêu cầu thiết kế, có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

Toàn bộ hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu của cả hệ thống, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, chất lượng cho nhân dân trên địa bàn.

Chợ Mọc là chợ hạng 2, nằm ở vị trí trung tâm của huyện; là chợ truyền thống, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng và các quy hoạch khác có liên quan, hoạt động chợ Mọc cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu của nhân dân trong và ngoài huyện. Tuy nhiên, một số hạng mục đầu tư chợ Mọc chưa đảm bảo quy định, chưa phát huy hiệu quả. Huyện đang xây dựng Phương án tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Mọc năm 2024 và những năm tiếp theo để cải tạo nâng cấp chợ nhằm phát huy hiệu quả chợ trung tâm huyện đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa cho nhân dân.

2.4. Khuyến khích các hình thức đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn

Sản xuất nông nghiệp của huyện có nhiều chuyển biến tích cực, sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, từng bước hiện đại, thu hút được các hợp tác xã

(HTX), Doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cho nông dân trên địa bàn huyện: Có 26 HTX hoạt động hiệu quả, 12 doanh nghiệp thường xuyên vào địa bàn liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân trên địa bàn toàn huyện. Đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng mở rộng diện tích, số hóa vùng trồng đáp ứng yêu cầu quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nhất là các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của huyện (Măng Lục Trúc, Vải sớm, Ổi lê Tân Yên, Sâm nam Núi Dành, rau quả chế biến...). Đến nay, toàn huyện có 12 vùng trồng được cấp mã vùng, trong đó có 02 vùng trồng vải thiều sớm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đi thị trường nhật Bản, EU. Các vùng trồng áp dụng biện pháp kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình GlobalGap, VietGAP....Duy trì, nâng cao hiệu quả sản xuất tại 78 vùng sản xuất hàng hóa tập trung, 72 mô hình ứng dụng công nghệ cao có liên kết bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, HTX góp phần thay đổi cách thức sản xuất từ nhỏ lẻ sang quy mô lớn có liên kết, áp dụng quy trình đồng bộ. Đặc biệt, huyện thực hiện phát triển sản xuất cây ăn quả với 3.600 ha, trong đó có 1.800 ha sản xuất theo quy trình VietGAP, 423 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP⁸, chất lượng một số sản phẩm quả được nâng lên được tiêu thụ tại thị trường lớn, xuất khẩu: Vải sớm, ổi lê Tân Yên.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP, đến nay huyện đã xây dựng được 33 sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên (trong đó, có 08 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 sao). Một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện đã được chuẩn hóa, nhiều sản phẩm đã có nhãn hiệu hàng hóa, có mẫu mã đẹp, bao bì sang trọng, có truy xuất nguồn gốc. Từ nay đến năm 2025, huyện triển khai thực hiện xây dựng mô hình thí điểm “Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với du lịch tâm linh sinh thái Núi Dành và du lịch sinh thái ven sông Thương tại xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang” thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 của Trung ương nhằm đưa Chương trình OCOP phát triển theo chiều sâu, đa dạng phong phú với các loại sản phẩm, chú trọng xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP mới trong lĩnh vực văn hóa, du lịch. Phân đấu đến năm 2025, điểm du lịch tâm linh sinh thái Núi Dành được công nhận sản phẩm OCOP.

Tích cực chuyển đổi cơ cấu, mở rộng quy mô, đưa cây trồng có giá trị kinh tế vào sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Giá trị bình quân trên 1ha đất nông nghiệp đạt 171 triệu đồng (tăng 28 triệu đồng so với đầu nhiệm kỳ). Tiếp tục phát triển đàn vật nuôi đa dạng theo hướng chăn nuôi trang trại (toàn huyện có 184 trang trại, chiếm 31,4% tổng số trang trại toàn tỉnh), áp dụng quy trình chăn nuôi đồng bộ, hiện đại, khắc

⁸ vải sớm 348 ha, ổi 45 ha, bưởi 25 ha, vú sữa 5 ha

phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm như: Lợn sạch Tân Yên, gà lai, dê lai, bò thịt BBB... Công tác quản lý dịch bệnh đảm bảo chặt chẽ, chăn nuôi trang trại được không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra, sản xuất chăn nuôi ổn định.

2.5. Về văn hóa, giáo dục, môi trường, an ninh trật tự

* Về văn hóa: Sự nghiệp văn hóa, thông tin tiếp tục được quan tâm và có nhiều bước phát triển, Tân Yên là huyện đầu tiên trong tỉnh xây dựng Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tân Yên đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển toàn diện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai có hiệu quả gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, qua đó tạo được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền và sự hưởng ứng tích cực của người dân. Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa đạt 90,84%; tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt 85,5%; có 50 thôn được công nhận khu dân cư văn hóa điển hình sáng, xanh, sạch, đẹp; 20 xã duy trì đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới; 04 xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa nông thôn mới nâng cao; thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 89,1% đơn vị đạt cơ quan văn hóa. Phong trào văn hóa, văn nghệ được duy trì và phát triển⁹; việc xây dựng hương ước, quy ước thôn, tổ dân phố văn hóa được các địa phương chú trọng thực hiện, đảm bảo đúng quy định... Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có chuyển biến tích cực.

Tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa, thể thao lớn của huyện¹⁰; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao ở các cấp, từ đó thu hút đông đảo người dân tham gia. Số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ngày càng tăng, hiện chiếm 42% dân số, tăng 4,5% so với đầu nhiệm kỳ; việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, sân vận động, nhà luyện tập thi đấu thể dục thể thao được quan tâm. Lập quy hoạch, phê duyệt dự án xây dựng Trung tâm thể thao huyện với tổng kinh phí thực hiện là 110 tỷ đồng, dự kiến cuối năm 2023 đầu năm 2024 khởi công xây dựng. Đối với khu thể thao cấp xã: 100% các xã đã có Khu thể thao đạt tiêu chuẩn. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước cũng như trong sản xuất đời sống nhân dân¹¹, đến nay đạt được nhiều kết quả tích cực¹². Hệ thống đài truyền

⁹ 100% các thôn, tổ dân phố, trường học có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên.

¹⁰ Tổ chức thành công Hội Cầu Vòng huyện Tân Yên; khai mạc Đại hội Thể dục thể thao huyện Tân Yên lần thứ IX; gặp mặt kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập huyện Tân Yên; vinh danh công dân Tân Yên ưu tú.

¹¹ Kế hoạch số 34-KH/HU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tân Yên về thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 28/8/2021 của UBND huyện về Chuyển đổi số huyện Tân Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

¹² Gửi nhận văn bản điện tử đạt 99,7% (tăng 9,6% so với năm 2020); triển khai sử dụng hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tác nghiệp; tỷ lệ ký số văn bản đạt 100% đối với đơn vị cấp 1 (tăng 60% so với năm 2020) và 99,8% đối với đơn vị cấp 2 (tăng 19,8% so với năm 2020); thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đạt 22,9% (tăng 6,9% so với năm 2021).

thanh được quan tâm đầu tư nâng cấp, 19/22 đài cấp xã đã ứng dụng công nghệ mới¹³. Hoạt động công thông tin điện tử được nâng lên, 22/22 công thông tin điện tử cấp xã đã kết nối liên thông với công thông tin điện tử cấp huyện, cấp tỉnh.

Trên địa bàn huyện Tân Yên có 96 điểm di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng và có 01 điểm khu tâm linh sinh thái Núi Dành được tỉnh công nhận là điểm du lịch. Đã triển khai quy hoạch khu nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp với du lịch tâm linh sinh thái Núi Dành, xây dựng Tân Yên thành “Miền quê đáng sống”.

* *Về giáo dục*: Chất lượng giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, đã ưu tiên nguồn lực để xây dựng trường, lớp học và các điều kiện phục vụ dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng bền vững, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI và Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018 gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học tiếp tục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa và hiện đại, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 99,5%; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 100% (trong đó trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt 21,1%); tham gia thi học sinh giỏi văn hóa, thể dục thể thao và thi khoa học kỹ thuật trong top đầu các huyện, thành phố. Công tác định hướng, tổ chức dạy nghề được quan tâm, chỉ đạo phù hợp với xu thế và thị trường lao động; hằng năm, tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề đạt trên 20%.

Duy trì nghiêm nền nếp, kỷ cương dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cơ bản đủ về số lượng và chất lượng; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 đối với mầm non đạt 98%, tiểu học đạt 62,6%, trung học cơ sở đạt 80,13%, trung học phổ thông đạt 100%. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, phát triển, đạt nhiều kết quả.

* *Về Môi trường*: Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 100-NQ/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường. Xử lý xong vấn đề tồn lưu rác thải tại thị trấn Cao Thượng và hoàn thành việc đầu tư lắp đặt mới 03 lò đốt rác công nghệ¹⁴, mỗi xã xây dựng ít nhất 01 khu xử lý rác thải tập trung hoặc từ 5-7 khu xử lý rác thải cụm thôn. Chỉ đạo thành lập 05 hợp tác xã vệ sinh môi trường (đến nay có 09 hợp tác xã vệ sinh môi trường); tuyên truyền, vận động nhân dân phân loại rác tại nguồn. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại thị trấn đạt 98,5%, tại

¹³ Có 01 đài truyền thanh thông minh, 18 đài truyền thanh không dây.

¹⁴ Hoàn thành lò đốt tại thị trấn Nhã Nam, Ngọc Vân năm 2022, lò đốt tại Quế Nham năm 2023 với tổng số vốn 27,49 tỷ đồng; duy trì hoạt động 02 lò tại Việt Lập (2017), An Dương (2020).

nông thôn là 93%. Triển khai thực hiện quy hoạch và thu hút nhà đầu tư cung cấp nước sạch trên địa bàn.

* *Về an ninh trật tự*: Thường xuyên chỉ đạo nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động gây rối bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề nổi cộm trong lĩnh vực an ninh nông thôn như: Tụ tập đông người gây mất an ninh trật tự, cản trở giải phóng mặt bằng, công tác tôn giáo... Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, các biện pháp phòng ngừa, răn đe, giáo dục, xử lý các loại tội phạm, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mô hình cộng đồng tự quản bảo vệ an ninh trật tự xã hội ở thôn, tổ dân phố.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06/CP về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Hoàn thành thực hiện Đề án 273/ĐA-UBND của UBND tỉnh về điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn (bình quân có 5,2 công an chính quy/xã, thị trấn); quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã¹⁵; đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đầu tư lắp đặt hệ thống camera giám sát trên địa bàn; triển khai thực hiện cấp căn cước công dân và mã định danh điện tử theo chỉ đạo của cấp trên, đạt kết quả tích cực.

2.6. Huy động nguồn lực và kinh phí thực hiện

Tổng vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới đến 30/7/2023 là: 143.132 triệu đồng; vận động nhân dân hiến được 91.378 m² đất, 9.044m² tường rào và đóng góp 18.132 ngày công lao động (có biểu chi tiết kèm theo - biểu 05, biểu 07).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở đã vào cuộc quyết liệt, tập trung cao, nỗ lực, cố gắng không ngừng, chỉ đạo sát sao, phát huy sức sáng tạo, tinh thần cộng đồng, vai trò chủ thể nhân dân tham gia xây dựng NTM; phát huy những kết quả đã đạt được của giai đoạn trước và tiếp tục chuyển biến tích cực trong giai đoạn mới, tiến độ hoàn thành các chỉ tiêu mục tiêu đã đề ra được đảm bảo, một số chỉ tiêu đã hoàn thành ở mức cao và trước so với dự kiến.

¹⁵ 100% xã trên địa bàn đã bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở công an xã; hoàn thành sửa chữa trụ sở Công an thị trấn Nhã Nam, xây dựng mới trụ sở Công an xã Đại Hóa, Ngọc Châu; đang tiến hành xây dựng trụ sở Công an xã Hợp Đức.

Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, phát triển toàn diện, khang trang, sạch đẹp, đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và ngày càng được nâng cao, thu nhập, điều kiện sống và mức sống của người dân được cải thiện rõ nét (giá trị sản xuất bình quân đầu người tăng 25 triệu đồng so với đầu nhiệm kỳ). Văn hóa, giáo dục, y tế và môi trường được chú trọng nâng cao chất lượng; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững, niềm tin của nhân dân ngày càng được củng cố.

Phong trào “Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới” tiếp tục lan tỏa sâu rộng, trở thành phong trào có ý nghĩa ăn sâu vào tiềm thức của người dân, được người dân hồ hởi, đồng tình hưởng ứng, chủ động tham gia đóng góp công sức, tiền của, hiến đất, tài sản làm công trình công cộng và hài lòng với những thành quả đã đạt được, tiếp tục khát vọng xây dựng quê hương, địa phương mình sinh sống ngày càng giàu đẹp. Nhận thức của người dân về chương trình tiếp tục được nâng cao.

Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư, cảnh quan được chỉnh trang, môi trường sống được cải thiện chuyển biến rõ nét, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí cho người dân.

Phát triển sản xuất có nhiều kết quả nổi bật: Có nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ đáp ứng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGap,... sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đem lại hiệu quả kinh tế cao và ổn định. Áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp từ khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch; hạ tầng sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm được quan tâm đầu tư. Chương trình OCOP được thực hiện hiệu quả, nhiều sản phẩm đã được công nhận sản phẩm OCOP (Đến nay, có 33 sản phẩm), trong đó có sản phẩm Vải thiều chín sớm Tân Yên đã được xuất sang thị trường Châu Âu, Nhật Bản, EU... được thị trường quốc tế ưa chuộng. Các chủ thể sản xuất đã quan tâm đến việc xây dựng nhãn hiệu, chuẩn hóa chất lượng, bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, mẫu mã đẹp tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường. Các HTX hoạt động ngày càng hiệu quả. Các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của huyện phát triển theo quy hoạch, đi vào chiều sâu, ổn định và đem lại hiệu quả kinh tế cao, cơ hội phát triển thị trường lớn.

Nguồn lực xây dựng NTM được huy động, sử dụng lồng ghép có hiệu quả, đầu tư có trọng tâm trọng điểm, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước được đẩy lùi....

2. Hạn chế

Một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa có nhiều đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, đặc biệt đối với một số xã không đăng ký phân đấu đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Một số chỉ tiêu, tiêu chí huyện NTM nâng cao chưa có chuyển biến mạnh mẽ, tốc độ thực hiện còn chậm.

Việc duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí NTM, NTM nâng cao ở một số xã chưa quan tâm thực hiện, khai thác và sử dụng công trình NTM chưa hiệu quả. Chưa thu hút được doanh nghiệp vào đầu tư để thực hiện tiêu chí về nước sạch.

Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trưởng chậm, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp với quy mô lớn và công nghệ cao; công tác bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch còn hạn chế. Việc nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả còn chậm; hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn ít, chưa chặt chẽ. Hoạt động của các tổ chức sản xuất trong nông nghiệp (HTX, Tổ hợp tác, Ban điều hành, còn mang tính hình thức, chưa thực sự đem lại hiệu quả tương xứng với tiềm năng vốn có.

Công tác lập quy hoạch còn nhiều hạn chế, chậm quy hoạch đối với công trình cấp nước tập trung, chất lượng một số quy hoạch chung chưa cao, chưa phù hợp với thực tế; công tác GPMB gặp nhiều khó khăn, nguồn thu từ đấu giá đất không ổn định ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số công trình NTM.

Tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, thu hút đầu tư vào địa bàn chưa đạt kế hoạch. Đào tạo nghề cho người lao động chưa theo kịp với yêu cầu của thị trường. Chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến cơ sở chưa cao; tỷ lệ người dân ứng dụng khám sức khỏe điện tử đạt thấp,...

Vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được xử lý hiệu quả, dứt điểm, còn tình trạng vứt rác thải ra môi trường (dọc các tuyến đường, kênh mương), còn để phát sinh những điểm tồn lưu rác, khu thu gom xử lý rác thải có nhiều lúc quá tải, rác tồn đọng ở một số tuyến kênh mương và những khu đất trống vẫn đang là vấn đề bức xúc trong nhân dân.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn phức tạp. Phát sinh một số loại hình tội phạm mới, nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở một số nơi chưa phát huy được hiệu quả.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Do tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất tăng cao; khí hậu, thời tiết biến đổi khó lường, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế đến phát triển KT-XH chung.

Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao ban hành chậm (Tháng 3/2022 Trung ương mới ban hành), một số chỉ tiêu tiêu chí ban hành chưa phù hợp với thực tế mỗi địa phương, chỉ đạo thực hiện một số chỉ tiêu, tiêu chí định lượng còn bị động, nhất là đối với tiêu chí xã thông minh, xã thương mại điện tử.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa có nhiều đổi mới, chưa sâu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong lãnh đạo, điều hành công việc.

Nhận thức, ý thức chấp hành của một bộ phận người dân về bảo vệ môi trường còn hạn chế.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ

Duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao, kiểu mẫu, huyện NTM đảm bảo đến tháng 6 năm 2025: hoàn thành 09/09 tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 20/20 xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia NTM giai đoạn 2021-2025; thị trấn Cao Thượng, Nhã Nam đạt chuẩn đô thị văn minh theo quy định. Đồng thời hoàn thành các tiêu chí huyện NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025: Có 11 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; 03 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; 01 xã thương mại điện tử; trên 70 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu; 03 thôn thông minh; tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (có biểu chi tiết kèm theo - biểu 6).

2. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

2.1. Tập trung cao sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, toàn diện của cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị trong xây dựng NTM. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng với sự vào cuộc tích cực của người dân, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

2.2. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về xây dựng Nông thôn mới. Triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua xây dựng Nông thôn mới, tạo khí thế mạnh mẽ, quyết tâm cao, ra sức thi đua xây dựng NTM.

2.3. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, cơ sở triển khai nhiệm vụ xây dựng NTM; thường xuyên rà soát, nắm tiến độ thực hiện đặc biệt đối với tiêu chí chưa đạt; kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, có giải pháp hiệu quả nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiến độ, hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2.4. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định. Thực hiện xã hội hóa đầu tư các công trình cấp nước sạch, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình khác, nhất là đối với các công trình có khả

năng thu hồi vốn trực tiếp. Tập trung hoàn thiện đồng bộ hạ tầng các cụm công nghiệp, tạo điều kiện, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư vào địa bàn.

2.5. Tiếp tục đầu tư cải tạo hạ tầng giao thông, thủy lợi, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy sản xuất, khai thác mọi tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị diện tích. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong các khâu từ sản xuất - thu hoạch - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động các hình thức sản xuất Tổ, Nhóm hộ sản xuất, HTX; sản xuất theo chuỗi liên kết đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện, nâng cấp, chuẩn hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

2.6. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ cấp trên, nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật- xã hội. Tăng cường sự kiểm tra, giám sát đầu tư cộng đồng đối với xây dựng công trình ở cơ sở để đảm bảo tính công khai, minh bạch nguồn vốn thực hiện. Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, khen thưởng động viên kịp thời đối với mô hình, gương điển hình tiên tiến trong xây dựng Nông thôn mới./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện,
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Đinh Đức Cảnh

BIỂU 1
TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN CỦA HUYỆN ỦY, UBND HUYỆN
CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 56

Stt	Loại văn bản, Số, ký hiệu, ngày/tháng/năm	Trích yếu
Năm 2021		
1	Nghị quyết số 25-NQ/HU ngày 06/10/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy	Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tân Yên đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển toàn diện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
2	Kế hoạch số 33-KH/HU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 112-NQ/TU ngày 15/6/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
3	Kế hoạch số 34-KH/HU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy	Thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
4	Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện	Thực hiện kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường
5	Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 06/8/2021 của UBND huyện	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 24-KH/HU ngày 07/6/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thực hiện Kết luận số 55-KL/TU ngày 07/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
6	Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 23/8/2021 của UBND huyện	Xây dựng và Phát triển đô thị huyện Tân Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2035

7	Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 15/9/2021 của UBND huyện	Cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025
8	Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện	Thực hiện Nghị quyết số 112-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
9	Kế hoạch 206/KH-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện	Chuyển đổi số huyện Tân Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10	Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 22/8/2021 của UBND huyện	Kiện toàn thành viên Tổ thẩm tra, thẩm định nghiệm thu kết quả xây dựng Nông thôn mới, năm 2021.
11	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 29/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện	Triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.
Năm 2022		
1	Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 17/2/2022 của UBND huyện	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) huyện Tân Yên năm 2022
2	Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 25/2/2022 của UBND huyện	Triển khai thực hiện đề án tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định giai đoạn 2021-2025;
3	Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 28/2/2022 của UBND huyện	Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới huyện Tân Yên, năm 2022.
4	Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 09/3/2022 của UBND huyện	Triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2022
5	Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện	Kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2025
6	Phương án số 111/PA-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn huyện giai đoạn 2022-2025.
7	Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/05/2022 của UBND huyện	Triển khai Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2022-2026

8	Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	Thành lập BCD thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025.
9	Kế hoạch 281/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện	Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tân Yên giai đoạn 2021- 2025.
10	Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn huyện Tân Yên, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030
11	Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 6/9/2022 của UBND huyện	Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025.
12	Kế hoạch số 99-KH/HU ngày 12/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy	Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
13	Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện	Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
Năm 2023		
1	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 27/2/2023 của UBND huyện	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 07/4/2021 của UBND huyện về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
2	Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 28/2/2023 của UBND huyện	Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới huyện Tân Yên năm 2023.
3	Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND huyện	Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023.
4	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) huyện Tân Yên năm 2023.
5	Kế hoạch số 44/KH-BCĐ ngày 24/3/2023 của BCĐ các Chương	Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

	trình MTQG huyện	
6	Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 16/6/2023 của UBND huyện	Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Tân Yên, giai đoạn 2023-2025.
7	Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 26/7/2023 của UBND huyện	Xây dựng và phát triển mô hình điểm du lịch tâm linh sinh thái Núi Dành xã Liên Chung đạt tiêu chuẩn OCOP vào năm 2025.

BIỂU 2**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI XÃ NÔNG THÔN MỚI, XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO/KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN YÊN (tính đến 31/7/2023)**

Stt	Nội dung	Tiêu chí chưa hoàn thành	Ghi chú
I	Đối với tiêu chí xã nông thôn mới (theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)		Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; thực hiện các tiêu chí chưa hoàn thành để đảm bảo đến năm 2025 100% các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã NTM hoàn thành
1	Xã Hợp Đức	TC13, TC 15, TC 17	
2	Xã Phúc Hòa	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục nâng cao TC17	
3	Xã Ngọc Châu	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục nâng cao TC 17	
4	Xã Phúc Sơn	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục nâng cao TC 17	
5	Xã Quế Nham	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục nâng cao TC 17	
6	Xã Đại Hóa	TC13, TC15, TC17, TC19	
7	Xã Lam Cốt	TC13, TC15, TC17, TC19	
8	Xã Việt Lập	TC13, TC15, TC17, TC19	
9	Xã An Dương	TC13, TC15, TC17, TC19	
10	Xã Ngọc Vân	TC13, TC15, TC17, TC19	

11	Xã Liên Sơn	TC13, TC15, TC17, TC19	
12	Xã Quang tiến	TC 7, TC13, TC15, TC17, TC19	
13	Xã Ngọc Lý	TC13, TC15, TC17, TC19	
14	Xã Việt Ngọc	TC13, TC15, TC17, TC19	
15	Xã Lan Giới	TC 6, TC13, TC15, TC17, TC19	
16	Xã Cao Xá	TC13, TC15, TC17, TC19	
17	Xã Ngọc Thiện	TC13, TC15, TC17, TC19	
18	Xã Liên Chung	TC6, TC15, TC17, TC19	
19	Xã Song Vân	TC13, TC15, TC17, TC19	
20	Xã Tân Trung	TC 6, TC13, TC15, TC17, TC19	
II	Đối với tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyế định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)		Các xã tiếp tục rà soát, đối với các xã theo lộ trình đảm bảo 100% các tiêu chí hoàn thành đến năm 2024
1	Xã Hợp Đức	Tiếp tục duy trì tiêu chí (TC) đã đạt, Tiếp tục hoàn thành TC 17, TC 18	
2	Xã Phúc Hòa	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục hoàn thành TC 17, TC 18 theo cam kết	
3	Xã Ngọc Châu	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục hoàn thành TC 17, TC 18 theo cam kết	
4	Xã Phúc Sơn	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục hoàn thành TC 17, TC 18 theo cam kết	
5	Xã Quế Nham	Đã hoàn thành, tiếp tục duy trì; tiếp tục nâng cao TC theo cam kết	

6	Xã Đại Hóa	TC5, TC 10, TC 13, TC 14, TC15, TC 17, TC 18	
7	Xã Lam Cốt	TC5, TC 13, TC 14, TC 17, TC 18	
8	Xã Việt Lập	TC 13, TC 14, TC 17, TC 18	
9	Xã An Dương	TC5, TC 7, TC 10, TC 13, TC 14, TC 15, TC 17, TC 18, TC 19	
10	Xã Ngọc Vân	TC 13, TC 14, TC 15, TC 17, TC 18	
11	Xã Liên Sơn	TC6, TC 14, TC 17, TC 18	
12	Xã Quang tiến	TC 10, TC 13, TC 14, TC 17, TC 18	
13	Xã Ngọc Lý	TC 2, TC5, TC 6, TC 14, TC 18, TC 19	
14	Xã Việt Ngọc	TC 2, TC5, TC 10, TC 13, TC 14, TC15, TC 17, TC 18, TC 19	
15	Xã Lan Giới	TC5, TC 10, TC 13, TC 14, TC 15, TC 17, TC 18	
16	Xã Cao Xá	TC5, TC 10, TC 13, TC 14, TC 18	
17	Xã Ngọc Thiện	TC 2, TC5, TC6, TC 10, TC 13, TC 14, TC 17, TC 18	
18	Xã Liên Chung	TC1, TC 2, TC5, TC6, TC 10, TC 14, TC15, TC 16, TC 18, TC 19	
19	Xã Song Vân	TC5, TC 10, TC 13, TC 14, TC15, TC 17, TC 18	
20	Xã Tân Trung	TC5, TC 10, TC 13, TC 14, TC15, TC 17, TC 18	

BIỂU 03

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC TỪNG TIÊU CHÍ HUYỆN NTM (tính đến ngày 31/7/2023)

St t	Tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí (theo Quyết định số 320/QĐ- TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ)	Chỉ tiêu	Tự đánh giá (đạt, không đạt)		Báo cáo đánh giá thực trạng, Kết quả đến thời điểm hiện nay
				Tự đánh giá từng chỉ tiêu (đạt, không đạt)	Tự đánh giá tiêu chí (đạt, không đạt)	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.	Đạt	Đạt	Đạt	Năm 2019, Huyện Tân Yên đã lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000). Huyện đã lập đồ án theo trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định,

					phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù. Thời hạn quy hoạch đến năm 2040, nội dung quy hoạch trong đó có khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Đạt	Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Chưa đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Đạt	
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	$\geq 50\%$	Chưa đạt	
					100% các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện kết nối đến các xã, thị trấn. 20/20 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện có đường ô tô kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%. 100% hệ thống giao thông trên địa bàn huyện được bảo trì hàng năm. Có 100% đường huyện được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp với cấp đường theo quy hoạch được phê duyệt. Có 100% đường huyện đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế. Có 100% đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. hiện nay, chưa có dự án trồng cây xanh trên các tuyến đường huyện.

		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Đạt		Trên địa bàn huyện hiện có 02 bến xe khách tại thị trấn Nhã Nam và thị trấn Cao Thượng đạt tiêu chuẩn loại IV.
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt		Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt	Toàn bộ hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu của cả hệ thống, đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng cho nhân dân trên địa bàn.
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Trung tâm Y tế huyện được thành lập Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Tân Yên (gọi tắt là Trung tâm) trên cơ sở tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện.
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt		Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao huyện Tân Yên có tổng diện tích 8.571 m2 (không kể diện tích của các công trình TDTT trong nhà và ngoài trời); có 03 phòng làm việc của lãnh đạo; 06 phòng làm việc của bộ phận chuyên môn. Trung tâm có các công trình thể dục thể thao, hội trường trung tâm, khu biểu diễn ngoài trời....đảm bảo phục vụ các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho cán bộ, nhân dân; Hàng năm, Trung tâm tổ chức nhiều

					<p>hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao kết nối với các xã trên địa bàn như: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, giải trí, duy trì và phát triển văn hóa, thể thao dưới các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích, các lớp năng khiếu nghệ thuật; tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phát triển phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở; tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em.</p>
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	đạt	Có 3/4 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường THPT Hoàng Hoa Thám chưa đạt chuẩn quốc gia).
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	chưa Đạt	Trung tâm tự đánh giá đạt Cấp độ 1 (chưa được Sở GD&ĐT đánh giá ngoài).
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Đạt	Có khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt Trên địa bàn có chợ Mọc là chợ hạng 2, nằm ở vị trí trung tâm của huyện. Là chợ truyền thống, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng và các quy hoạch khác có liên quan, hoạt động chợ Mọc đáp ứng các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu của nhân dân trong và ngoài huyện. Số cơ sở kinh doanh thực phẩm cố định khoảng 135 điểm chiếm từ 48% tổng số cơ sở kinh doanh cố định tại chợ (tiêu chí trên 30%). Điểm kinh doanh tại chợ: bao gồm quầy

					hàng, sạp hàng, ki ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 3m ² /điểm.
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Duy trì, mở rộng diện tích sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực của huyện như: lúa chất lượng; rau quả thực phẩm, cây ăn quả (vải) theo quy trình VietGAP, đạt tiêu chuẩn VietGAP, mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: duy trì tại 81 vùng sản xuất lúa chất lượng tập trung quy mô từ 5ha/vùng trở lên, gồm các giống lúa TBR225, VNR 20, Thiên Ưu 8, TH8 và vùng sản xuất rau màu tập trung quy mô từ 2-5 ha/vùng trở lên gồm các loại cây như: dưa bí các loại, lạc, ngô ngọt. Nâng cao chất lượng đối với sản xuất vải tập trung: duy trì và mở rộng vùng sản xuất vải thiều đạt tiêu chuẩn Viet-GAP, GlobalGAP là 415 ha.
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh	Đạt	Đạt	Khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 77.03 tấn/ngày; số thu gom khoảng 69.4 tấn/ngày, đạt khoảng 90.0% khối lượng rác thải thu gom được xử lý là 65.2 tấn/ngày, đạt khoảng 92,8% đốt bởi 04 lò đốt rác được khoảng 38.6 tấn/ngày, đốt tại các lò đốt thủ công khoảng 7.7 tấn/ngày (đạt 71%), khối lượng đốt lộ thiên và chôn lấp là 18.9 tấn/ngày chiếm 29%.
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥40%	Đạt	100% thôn, làng, tổ dân phố rà soát, duy trì quy ước, hương ước về vệ sinh môi trường khu dân cư có nội dung quy định về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; Hơn 80% các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	Đạt		Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	Đạt		Trên địa bàn có 02 công trình xử lý nước thải tập trung tại khu đô thị Đồng Chủ, Đồng Cầu và khu đô thị Chuôm Nho.
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt		02 CCN đã được UBND tỉnh phê duyệt ĐTM, đang triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải; 03 làng nghề đã được UBND huyện phê duyệt phương án BVMT làng nghề; tỷ lệ đất trồng cây xanh khoảng 20% diện tích toàn khu.
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2/n$ người	Đạt		Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đảm bảo trên $4m^2/người$.
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Đạt		85% chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Đạt		Toàn huyện có 22 bãi xử lý rác thải tập trung của xã, thị trấn và 186 điểm xử lý rác thải cụm thôn, 100% các điểm có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định.
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 12\%$	chưa đạt	Chưa đạt	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định. Hiện trên địa bàn huyện mới đạt 2,5%.
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$	Đạt		Công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đảm bảo 50%.

		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Hàng năm, UBND huyện thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, từ đó kiểm soát, đánh giá chất nước.	
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Phát động phong trào "Ngày thứ 7 xanh, Ngày Chủ nhật sạch" hàng tuần các đơn vị ra quân vệ sinh môi trường đảm bảo cảnh quan môi trường.	
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt	các cơ sở được cấp đủ điều kiện kinh doanh, trên địa bàn không xảy ra vụ ngộ độc.	
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Hàng năm Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Hàng năm 100% tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Đạt	Đạt	Trong 02 năm liên tục 2021, 2022 đến 30/7/2023 trên địa bàn huyện không có công chức thuộc huyện quản lý giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt	Đạt	

		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Tính đến 31/7/2023, toàn huyện có 13.625 hồ sơ phát sinh qua DVC trực tuyến mức độ 3 (trong đó: cấp huyện 3.018 hồ sơ, cấp xã 10.607 hồ sơ)	
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	<p>Hiện nay 100% các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; có 04 xã gồm Phúc Hòa, Phúc Sơn, Ngọc Châu và Quế Nham được Sở Tư pháp thẩm định công nhận các tiêu chí xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao năm 2022; Hiện đang tập trung chỉ đạo các xã Liên Sơn, Lam Cốt, Ngọc Lý, Ngọc Vân xây dựng các tiêu chí để đề nghị tỉnh thẩm định xã Nông thôn mới nâng cao. Theo tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao đạt điểm tốt đa với 03 tiêu chí gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận; hiện nay huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn mỗi đơn vị xây dựng hồ hình điển hình về PBGDPL và hòa giải ở cơ sở. - Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên. - Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên. 	
10	Nợ đọng	Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong NTM	Không nợ	Đạt	Đạt	Số công trình NTM theo kế hoạch năm 2023 đã điều chỉnh là: 13 công trình; đến tháng 7 đã và đang triển khai thực hiện 12/13 công trình; đã giải ngân 3,295 tỷ (trong đó: NST 1 tỷ đồng); các công trình trong xây dựng NTM năm 2021, 2022 đã thực hiện xong và không nợ đọng.

BIỂU 4:**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC TỪNG TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**
(Tính đến ngày 31/7/2023)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)	Chỉ tiêu quy định	Tự đánh giá (đạt, không đạt)		Báo cáo đánh giá thực trạng, Kết quả đến thời điểm hiện nay
				Tự đánh giá từng chỉ tiêu (đạt, không đạt)	Tự đánh giá tiêu chí (đạt, không đạt)	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	Đạt	chưa đạt	chưa đạt	Hiện nay, UBND huyện Tân Yên đang thực hiện điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên đến năm 20240, các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và phù hợp Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Bố trí quỹ nhà ở vị trí phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà ở cho người lao động trong các cụm công nghiệp (theo Khoản 3, Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp). Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên đến năm 20240, UBND huyện đang trình sở Xây dựng thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số: 139/TTr – UBND ngày 28/7/2023.

		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt		Đạt		Huyện đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, công trình hạ tầng xã hội thiết yếu quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt như: Công trình giao thông cấp huyện, cấp xã, công trình hạ tầng thông tin liên lạc, công trình điện, công trình chiếu sáng công cộng, công trình cấp nước.... Hệ thống công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Đạt	chưa đạt	100% các xã, các vùng liền kề có hệ thống đường huyện, đường xã kết nối các trung tâm hành chính, liên vùng, vùng nguyên liệu tập trung với nhau, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; tỷ lệ mặt đường huyện, đường xã kết nối được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%; có 100% đường huyện qua khu vực đô thị đáp ứng tiêu chuẩn đường đô thị.
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%	Chưa đạt		100% đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Tuy nhiên: Đa số các tuyến đường này chưa được trồng cây xanh (tiêu chí: 100%).
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	Chưa đạt		Trên địa bàn huyện có 02 bến xe khách mới đạt tiêu chuẩn loại IV. Chưa có bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại III trở lên
3	Thủy lợi và phòng, chống	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyên đổi số	Đạt	Đạt	Đạt	Các công trình thủy lợi do huyện quản lý thường xuyên được bảo trì, nâng cấp; kịp thời phát hiện và ứng phó với các sự cố xảy ra

	thiên tai	3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt		Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đạt		Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Đạt	Đạt	Hệ thống điện trên địa bàn các xã, thị trấn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Đạt	chưa đạt	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 99,8%
		5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	100%	Đạt 2/3 tiêu chí		Huyện Tân Yên có Quảng trường Lương Văn Năm huyện có diện tích khoảng 27.000m ² , có sân khấu, khu biểu diễn, triển lãm ngoài trời, khu vui chơi, giải trí, vườn hoa, đài phun nước... nhưng chưa lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả	Đạt	Đạt		Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa ngày càng được quan tâm: Từ năm 2021 đến nay đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang công nhận được 01 di tích cấp tỉnh nâng tổng số di tích xếp hạng trên địa bàn huyện 96 di tích; có 17 di tích được tu bổ, tôn tạo với tổng số tiền trên 285 tỷ đồng; mở được 06 lớp Chèo truyền dạy Chèo, 06 lớp Quan họ, 01 lớp Ca trù nhằm gìn giữ và phát huy văn hóa Phi vật thể trên địa bàn
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	chưa đạt		Có 3/4 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (trường THPT Hoàng Hoa Thám chưa đạt CQG); chưa có trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

		5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	chưa đạt		Trung tâm tự đánh giá đạt Cấp độ 1 (chưa được Sở GD&ĐT đánh giá ngoài)
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lắp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lắp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến	Đạt	Đạt		Đối với sản phẩm chủ lực là vải thiều: huyện đã đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuận tiện; thực hiện cấp, quản lý giám sát mã số vùng trồng đã được cấp với tổng số 12 mã số vùng trồng với tổng diện tích 842 ha, xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU, Hàn Quốc, ...
		6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt		Trên địa bàn có chợ Mọc là chợ hạng 2, có 425 điểm kinh doanh cố định tại chợ, chợ được đầu tư xây dựng kiên cố, phù hợp với các quy hoạch có liên quan; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, vệ sinh công cộng.
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Đạt		Hàng năm, UBND huyện có xây dựng và triển khai có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP

		6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt		Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Trên địa bàn huyện Tân Yên có 96 điểm di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng và có 01 điểm được công nhận là điểm du lịch. Trong những năm qua huyện đã rất quan tâm quảng bá hình ảnh của các di tích này nhằm quảng bá hình ảnh du lịch Tân Yên, kết quả: Thực hiện, khai thác đăng tải trên Đài truyền thanh huyện 600 tin, bài và xây dựng 01 chuyên mục "Góc Văn hóa Tân Yên" vào ngày thứ 2 tuần thứ tư trong tháng trên Đài truyền thanh và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện trên 250 tin bài, trên 270 ảnh về lĩnh vực văn hóa; xây dựng Chuyên trang "Di tích thắng cảnh", gồm các bài viết, ảnh về Di tích lịch sử văn hóa và Chuyên mục Truyền hình Intenets chủ yếu phản ánh về lĩnh vực văn hóa, mỗi năm có từ 10 – 12 phóng sự truyền hình về lĩnh vực văn hóa để quảng bá về vùng đất, con người Tân Yên.	
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 95\%$	chưa đạt	chưa đạt	Khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 77.03 tấn/ngày; số thu gom khoảng 69.4 tấn/ngày, đạt khoảng 90.0% khối lượng rác thải thu gom được xử lý là 65.2 tấn/ngày, đạt khoảng 92,8%
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	chưa đạt		Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 85%, còn 1 số vỏ bao bì thuốc BVTV, rác thải nguy hại phát sinh từ các hộ dân chưa được thu gom, xử lý
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Đạt		chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường

		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$	đạt	<p>100% thôn, làng, tổ dân phố rà soát, duy trì quy ước, hương ước về vệ sinh môi trường khu dân cư có nội dung quy định về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; Hơn 80% các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.</p> <p>Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp đảm bảo đạt trên 50%</p> <p>Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đảm bảo trên 4m²/người</p> <p>03 làng nghề được UBND huyện phê duyệt phương án BVMT làng nghề, không có làng nghề bị ô nhiễm</p> <p>85% chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định</p>
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	$\geq 50\%$	Đạt	
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	Đạt	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 18\%$	chưa đạt	<p>chưa đạt</p> <p>Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung chưa đảm bảo. Hiện trên địa bàn huyện tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung mới đạt 2,5%</p> <p>Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đảm bảo theo quy định</p> <p>Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt tỷ lệ 50%.</p>
		8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	đạt	
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40\%$	đạt	

		8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥01 mô hình	chưa đạt		Trên địa bàn huyện chưa có mô hình xử lý nước mặt
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt		Phát động phong trào "Ngày thứ 7 xanh, Ngày Chủ nhật sạch" hàng tuần các đơn vị ra quân vệ sinh môi trường đảm bảo cảnh quan môi trường
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%		các cơ sở kinh doanh ăn uống trên địa bàn quản lý được cấp đủ điều kiện. Không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	100%		Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo 100%
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	đạt		các cơ sở kinh doanh ăn uống trên địa bàn quản lý được cấp đủ điều kiện. Không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm
		8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh	Đạt	Chưa đạt		UBND huyện đang chỉ đạo xã Phúc Hòa xây dựng mô hình điểm xã thương mại điện tử, hiện trên địa bàn huyện, chưa có mô hình xã thông minh; năm 2023 chỉ đạo xã Việt Lập xây dựng mô hình thôn thông minh tại thôn Đồng Sen xã Việt Lập.
9	An ninh, trật tự - Hành chính	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	chưa đạt	chưa đạt	Chưa đảm bảo tiêu chí có ít nhất 50% số xã trên địa bàn huyện đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 (hiện mới có 06 xã đạt tiêu chí)

	công	9.2. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	Đạt		Tính đến 31/7/2023, toàn huyện có 3.163 hồ sơ phát sinh qua DVC trực tuyến mức độ 4 (trong đó: cấp huyện 954 hồ sơ, cấp xã 2.209 hồ sơ)
10	Nợ động	Không có nợ động XD/CB trong NTM	Không nợ	Đạt	đạt	Số công trình NTM theo KH năm 2023 đã điều chỉnh là: 13 công trình; đến tháng 7 đã và đang triển khai thực hiện 12/13 công trình; đã giải ngân 3,295 tỷ (trong đó: NSTW 1 tỷ đồng); các công trình trong XD NTM năm 2021, 2022 đã thực hiện xong và không nợ động

BIỂU 05+06**TỔNG HỢP NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO VÀO NĂM 2025**

Stt	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Nội dung cần thực hiện đến năm 2025
1	Huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (Theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)		đạt
	Nội dung	nội dung	05/05
	Tiêu chí	tiêu chí	9/9
2	Huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (Theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)		đạt
	Nội dung	nội dung	04/04
	Tiêu chí	tiêu chí	9/9
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới (Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)		
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã	20/20
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	%	100
4	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)	Số xã	3

-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Số xã	11/20
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (lũy kế)	%	55
5	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	xã	3
6	Xã thương mại điện tử	xã	1
7	Mô hình thôn thông minh	thôn	3
8	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)	Số thôn	70
9	Số sản phẩm đạt OCOP	Sản phẩm	54

BIỂU 07
PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NTM NĂM 2021-2023

Stt	Danh mục công trình	Số dự án	TMĐT	Kế hoạch vốn năm 2022						Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn khác và huy động XHH	
	TỔNG CỘNG	53	203,509	143,132	27,810	10,500	19,000	57,827	27,995	
	NĂM 2021	2	9,011	9,011	-	2,000	-	6,811	200	-
1	Hợp Đức	1	7,600	7,600	-	1,000	-	6,600	-	
	Sân thể thao Trung tâm xã Hợp Đức	1	7,600	7,600		1,000		6,600		
2	Phúc Hòa	1	1,411	1,411	-	1,000	-	211	200	
	Cải tạo, nâng cấp đường BTXM từ Quất Du 1 đi Vôi, xã Phúc Hòa	1	1,411	1,411		1,000		211	200	
	NĂM 2022 (QĐ 725/QĐ-UBND ngày 15/5/2022)	17	16,402	16,402	-	2,300	1,000	9,780	3,322	
1	Hợp Đức	4	772	772	-	300	100	-	372	
	Cải tạo nhà vệ sinh thôn Lục Liễu trên, Tân Hòa, Hòa An, Cửa Sông, Tiến Sơn.	1	408	408		156			252	Thưởng NTM
	Xây mới công làng thôn Cửa Sông	1	100	100		50			50	Thưởng NTM

	Cải tạo NVH thôn Lục Liễu Trên	1	120	120		50		-	70	Thường NTM
	Trường Mầm non Hợp Đức; hạng mục: Sửa chữa cửa và các hạng mục khác.	1	144	144		44	100			duy trì xã về đích
2	Ngọc Châu	1	2,200	2,200	-	1,000	-	1,000	200	
	Đường BTXM từ Cầu trung Đồng đi Na Nán Bằng Cục; 950m	1	2,200	2,200		1000		1,000	200	hỗ trợ NTM nâng cao
3	Phúc Sơn	1	6,500	6,500	-	1,000	-	5,000	500	
	Nhà thi đấu và các công trình phụ trợ xã Phúc Sơn	1	6,500	6,500		1000		5,000	500	hỗ trợ NTM nâng cao
4	Xã An Dương	1	150	150	-	-	100	-	50	
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn, công trình phụ trợ thôn Bãi Đình, thôn Chợ xã An Dương	1	150	150			100		50	duy trì xã về đích
5	Xã Cao Xá	1	800	800	-	-	100	-	700	
	Xây mới NVH thôn Ngọc Yên Ngoài	1	800	800			100		700	duy trì xã về đích
6	Xã Liên Chung	1	650	650	-	-	100	-	550	
	Đường BTXM thôn Hương từ cổng làng đi cổng bà Bằng; 500m	1	650	650			100		550	duy trì xã về đích
7	Xã Lan Giới	1	350	350	-	-	100	-	250	

	Cải tạo nhà văn hóa thôn Bình Minh	1	350	350			100		250	duy trì xã về đích
8	Xã Ngọc Thiện	1	-	-	-	-	-	-	-	
	Đường BTXM Kênh Ông Cự đi Tân Lập; 300m	1	859	859			100		759	
9	TT Nhã Nam	1	700	700	-	-	100	400	200	
	Cải tạo nâng cấp NVH Tiến Phan	1	700	700			100	400	200	duy trì xã về đích
10	Xã Song Vân	1	980	980	-	-	100	880	-	
	Phụ trợ Nhà văn hóa xã	1	980	980			100	880		duy trì xã về đích
11	Xã Tân Trung	1	400	400	-	-	100	100	200	
	Phụ trợ Nhà văn hóa thôn Công Bằng	1	400	400			100	100	200	duy trì xã về đích
12	Xã Ngọc Vân	1	2,500	2,500	-	-	100	2,400	-	-
	Phụ trợ Nhà làm việc UBND xã	1	2,500	2,500			100	2,400		duy trì xã về đích
13	Xã Việt Ngọc	2	400	400	-	-	100	-	300	
	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa và các công trình phụ trợ thôn Đồng Gia	1	200	200			50		150	duy trì xã về đích
	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa và các công trình phụ trợ thôn An Lạc	1	200	200			50		150	duy trì xã về đích
	Năm 2022 (Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	12	81,079	54,469	15,450	-	-	29,393	9,626	-

1	Hợp Đức	3	28,465	17,465	3,090	-	-	8,015	6,360	
	Công tiêu nước Ngạc ba thôn Lò Nồi. HM: Công tiêu nước	1	475	475	390				85	
	Trường THCS Hợp Đức: HM: Nhà lớp học 15 phòng	1	13,000	7,000	1,700			3,515	1,785	
	Trường Mầm non Trung tâm Hợp Đức, hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ	1	14,990	9,990	1,000			4,500	4,490	
2	Xã Ngọc Châu	1	3,989	3,989	3,090	-	-	899	-	
	Nâng cấp đường trục xã Trường THCS đi Tân Minh xã Ngọc Châu	1	3,989	3,989	3,090			899		
3	Xã Phúc Hòa	3	20,097	4,487	3,090	-	-	707	690	
	Cải tạo, nâng cấp đường BTXM từ đường nhựa đi Cạng	1	3,897	1,897	1,000			207	690	
	NLH 15 phòng trường THCS	1	15,000	1,390	1,390					
	Cải tạo, nâng cấp đường BTXM từ Hòa Làng đi Cả Am;	1	1,200	1,200	700			500		
4	Xã Phúc Sơn	4	23,428	23,428	3,090	-	-	18,272	2,066	
	Nhà thi đấu và các công trình phụ trợ xã Phúc Sơn	1	7,500	7,500	1,000			5,000	1,500	hỗ trợ NTM nâng cao
	Xây mới phòng học chức năng, phòng học bộ môn, phòng làm việc hiệu bộ Trường THCS Phúc Sơn huyện Tân Yên	1	14,762	14,762	1,490			13,272		
	Đường BTXM thôn Lý Cốt	1	600	600	300				300	

	Đường BTXM thôn Mai Hoàng	1	566	566	300				266	
5	Xã Quế Nham	1	5,100	5,100	3,090	-	-	1,500	510	
	Nâng cấp tuyến đường QL 17 về Trung tâm xã đi Thôn Ba Làng.	1	5,100	5,100	3,090			1,500	510	
	Năm 2023 (Quyết định 953/QĐ-UBND ngày 18/5/2023)	4	17,452	1,750	-	1,200	-	450	100	
	Xã Phúc Hòa									
	Cải tạo, mở rộng đường NVH thôn Quất Du 1	1	720	720		300		420		
	Xã Phúc Sơn									
	Xây mới phòng học chức năng, phòng học bộ môn, phòng làm việc hiệu bộ trường THCS Phúc Sơn, huyện Tân Yên	1	14,762	300		300				
	Xã Ngọc Châu									
	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời khu trung tâm văn hóa các thôn, UBND xã Ngọc Châu	1	770	430		300		30	100	
	Xã Quế Nham									
	Nâng cấp chỉnh trang khu trung tâm UBND xã HM: Công, lắp đặt dụng cụ TDTT ngoài trời, pa nô tuyên truyền, lắp đặt hệ thống biển báo, gờ giảm tốc trên tuyến đường trục xã, liên thôn (Quế Nham)	1	1,200	300		300				
	Năm 2023 (Quyết định 1206/QĐ-UBND ngày 14/6/2023)	18	79,565	61,500	12,360	5,000	18,000	11,393	14,747	

	Lam Cốt	2	19,200	15,100	3090	1000	5000	2,000	4010	
	Đường BTXM từ đầu đường Cao Xá-Lam Cốt đi NVH thôn Tân An - đi tỉnh lộ 294B. (dài 1.200m x rộng 6m x cao 0,2m).	1	7,200	5,100	3090	0	0	1,000	1010	
	Xây mới trường Mầm Non khu A (06 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	1	12,000	10,000	0	1000	5000	1,000	3000	
	Liên Sơn	5	16,465	13,880	3090	1000	4000	4,350	1440	
	Công trình chuyển tiếp	1	12,675	10,090	3090	1000	4000	2,000	0	
	Đường từ đập Ao Bào đi trường Tiểu học	1	12,675	10,090	3090	1000	4000	2,000	0	
	Công trình xây mới	4	3,790	3,790	0	0	0	2,350	1440	
	Cải tạo nhà văn hóa thôn Sặt	1	1,000	1,000	0	0	0	600	400	
	Cải tạo nhà văn hóa thôn Thượng Đôn	1	1,000	1,000	0	0	0	600	400	
	Cải tạo nhà văn hóa thôn Chiềng	1	1,000	1,000	0	0	0	600	400	
	Cải tạo nhà văn hóa thôn Chấn Sơn, Hạng mục: Sân, mái vòm	1	790	790	0	0	0	550	240	
	Ngọc Lý	4	15,200	7,969	3090	1000	0	-	3879	
	Đường BTXM Tân Lập (1,5km)	1	5,200	2,143	1500	0	0	-	643	
	Đường BTXM Làng Đồng đoạn từ cổng chợ đến nhà Ông Công (1km)	1	3,500	1,900	795	0	0	-	1105	
	Đường BTXM Sỏi Máng từ nhà ông Tuấn Anh đi (1km)	1	3,500	1,817	795	0	0	-	1022	

	Đường BTXM thôn Đồi Rồng từ NVH thôn Đồi Rồng đến đường Liên xã	1	3,000	2,109	0	1000	0	-	1109	
	Phúc Hòa	1	15,000	11,110	-	-	9,000	2,110	-	
	Xây mới Nhà lớp học 15P trường THCS Phúc Hòa	1	15,000	11,110	0	0	9000	2,110		chuyển nguồn năm 2022-2023: 7000 đ
	Quế Nham	5	6,700	6,441	0	1000	0	933	4508	
	Đường BTXM thôn Tiên Đình từ cổng chào đến đường đê	1	1,300	1,230	0	200	0	169	861	
	Đường BTXM thôn Đông La từ Trạm bơm Đồng về đi đồi năng.	1	1,000	962	0	200	0	89	673	
	Đường BTXM thôn Phú Khê từ Cửa nghề đi Cửa xa, đi Lò gạch	1	1,900	1,829	0	200	0	349	1280	
	Cải tạo, sửa chữa các công trình giao thông thôn Ba Làng	1	1,300	1,242	0	200	0	173	869	
	Đường BTXM trục thôn Bình Minh	1	1,200	1,178	0	200	0	153	825	
	Việt lập	1	7,000	7,000	3090	1000	0	2,000	910	
	Xây mới Khu thể thao xã (khu Đồng Bét)	1	7,000	7,000	3090	1000	0	2,000	910	